

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2019

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Thúy An.

2. Bà Phan Thị Cẩm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận không tham gia phiên tòa:

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/10/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Liễu C, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Đặng Văn H, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Liễu C trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà C và ông H tự nguyện tìm hiểu rồi chung sống với nhau năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên đã ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nay vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn nên bà C cầu ly hôn với ông H.

- *Về con chung:* Bà C xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người

con tên Đặng Hoàng K, sinh ngày 19/02/1996 và Đặng Yến Ng, sinh ngày 19/3/2000. Hai con hiện tại đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà C xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà C xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đặng Văn H để ông trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà C cũng như tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông H không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Đặng Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của ông H không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H.

Nguyên đơn bà C khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H và ông H có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã B, huyện C. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện vì vậy Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng quy định.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1] *Về hôn nhân*: Bà C và ông H bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1996, ông bà chung sống là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, quá trình chung sống ông, bà không đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền để đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và Gia đình nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Nay ông, bà xảy ra mâu thuẫn nên bà C xin ly hôn. Hội đồng

xét xử căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà C và ông H.

[2.2] *Về con chung*: Bà C xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung là Đặng Hoàng K, sinh ngày 19/02/1996 và Đặng Yến Ng, sinh ngày 19/3/2000. Hai cháu hiện nay đã trưởng thành, bà C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung*: Bà C xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà C xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không thiếu nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, bà Nguyễn Thị Liễu C chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Liễu C và ông Đặng văn H.

2 - Về con chung: Có 02 người con chung Đặng Hoàng K, sinh ngày 19/02/1996 và Đặng Yến Ng, sinh ngày 19/3/2000. Các con đã trưởng thành không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3 - Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung: Bà C xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà C xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4 - Án phí sơ thẩm: Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Liễu C chịu 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0006165 ngày 26/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5 - Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Liễu C có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/11/2019). Bị đơn ông Đặng Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Thị Mỹ Vinh
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Bình Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Vinh